

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương chuyển loại rừng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển loại rừng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất, cụ thể như sau:

1. Chuyển diện tích 27,1 ha rừng phòng hộ thuộc quản lý của 13 hộ gia đình, tại 18 lô, thuộc khoảnh 4, thôn Liên Sơn, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sang loại rừng sản xuất.

2. Chuyển diện tích 58,3 ha rừng phòng hộ thuộc quản lý của 25 hộ gia đình, tại 41 lô, thuộc khoảnh 1, thôn Phấn Sơn, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang sang loại rừng sản xuất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 10 thông qua. / *PC*

Nơi nhận: *PC*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND huyện Yên Dũng, TP Bắc Giang;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng
Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC

Quyết định chủ trương chuyển loại rừng từ rừng phòng hộ sang
rừng sản xuất tại xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng và
xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh)

I. Thông tin chung về việc chuyển loại rừng

1. Tổng số chủ rừng chuyển loại rừng: 38 hộ gia đình, cá nhân. Trong đó:
 - Xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng: 13 hộ gia đình, cá nhân.
 - Xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang: 25 hộ gia đình, cá nhân.
2. Tổng diện tích là 85,4 ha, gồm 59 lô, 02 khoảnh. Trong đó:
 - Xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng: 27,1 ha, gồm 18 lô, 01 khoảnh.
 - Xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang: 58,3 ha, gồm 41 lô, 01 khoảnh.
3. Loại rừng: Rừng phòng hộ
4. Trạng thái rừng: Rừng trồng
5. Mục đích chuyển loại rừng: Chuyển loại rừng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất để chủ rừng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy chế quản lý rừng.

II. Vị trí, địa điểm, diện tích, hiện trạng rừng khu vực thực hiện chuyển loại rừng

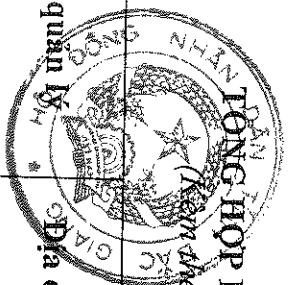
1. Vị trí, địa điểm, diện tích thực hiện chuyển loại rừng:

- Vị trí, địa điểm: tại khu vực núi Nham Biền gồm 59 lô, 02 khoảnh. Trong đó:
 - + Xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng: gồm 18 lô, khoảnh 4.
 - + Xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang: gồm 41 lô, khoảnh 1.
- Tổng diện tích thực hiện chuyển loại rừng: 85,4 ha. Trong đó:
 - + Xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng: 27,1 ha.
 - + Xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang: 58,3 ha.

2. Hiện trạng rừng khu vực chuyển loại rừng:

- Chủ quản lý sử dụng đất: Hộ gia đình, cá nhân.
- Loại rừng: Rừng phòng hộ
- Trạng thái rừng: Rừng trồng
- Loài cây trồng chủ yếu: Bạch đàn, Keo, Thông.






TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ CHUYÊN LOẠI RỪNG THEO CHỦ QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Tên chủ quản lý	Địa chỉ thường trú	Diện tích, vị trí khu rừng				Loại rừng		Ghi chú
			Diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Xã	Trước chuyển loại	Sau chuyển loại	
I. HUYỆN YÊN DŨNG			85,4	59	2				
			27,1	18	1				
1	Đinh Hồng Phong	Cầu Giấy - Hà Nội	2,1	5	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			2,2	7	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,7	4	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			1,5	6	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			1,9	14	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
3	Lương Văn Giảng	Liên Sơn - Tiên phong	0,9	12	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
4	Nguyễn Quang Minh	Liên Sơn - Tiên phong	4,3	21	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,8	24	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,6	22	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
6	Nguyễn Văn Hạt	Liên Sơn - Tiên phong	1,4	13	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
7	Nguyễn Văn Hòa	Liên Sơn - Tiên phong	0,7	2	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
8	Thân Văn Dũng	Liên Sơn - Tiên phong	1,0	8	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
9	Thân Văn Hà	Liên Sơn - Tiên phong	0,4	11	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
10	Thân Văn Hùng	Liên Sơn - Tiên phong	0,7	3	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	

TT	Tên chủ quản lý	Địa chỉ thường trú	Diện tích, vị trí khu rừng				Loại rừng		Ghi chú
			Diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Xã	Trước chuyển loại	Sau chuyển loại	
11	Trần Khắc Chánh	Đống Đa, Hà Nội	0,5	10	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
12	Từ Văn Quang	Liên Sơn - Tiên phong	1,0	17	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
13	Từ Văn Thêm	Liên Sơn - Tiên phong	4,8	18	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
II. THÀNH PHỐ BẮC GIANG			1,9	16	4	Tiền Phong	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
1	Đông Xuân Ý	Phán Sơn - Đồng Sơn	58,3	41	1				
2	Mai Việt Anh	Xuân Trường - Nam Định	1,4	8	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Phán Sơn - Đồng Sơn	1,2	26	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
4	Nguyễn Văn Ngọc	Phán Sơn - Đồng Sơn	1,0	27	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
5	Nguyễn Đức Hòa	Phán Sơn - Đồng Sơn	0,5	32	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
6	Nguyễn Mạnh Tài	Phán Sơn - Đồng Sơn	0,9	70A	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
7	Nguyễn Minh Hải	Phán Sơn - Đồng Sơn	0,6	121	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
		p. Thọ Xương - TPBG	1,4	119	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
8	Nguyễn Thế Thìn	Phán Sơn - Đồng Sơn	1,1	103	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,3	99	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			1,1	176	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			5,6	223	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			2,0	224	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			3,3	225	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	



TT	Tên chủ quản lý	Địa chỉ thường trú	Diện tích, vị trí khu rừng				Loại rừng		Ghi chú
			Diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Xã	Trước chuyển loại	Sau chuyển loại	
9	Nguyễn Thị Thu	P. Ngô Quyền - TPBG	3,1	178	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			4,3	202	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
10	Nguyễn Văn Ước	Phần Sơn - Đông Sơn	3,4	113	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			4,4	165	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
12	Nguyễn Văn Bốn	Phần Sơn - Đông Sơn	0,6	53	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,4	54	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
13	Nguyễn Văn Cư	Phần Sơn - Đông Sơn	0,3	100	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			1,5	173	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
14	Nguyễn Văn Hay	Phần Sơn - Đông Sơn	0,6	124	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,8	145	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
16	Nguyễn Văn Quý	Phần Sơn - Đông Sơn	1,7	197	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,7	73	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
18	Nguyễn Văn Thòa	Phần Sơn - Đông Sơn	1,1	114	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,9	116	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
19	Nguyễn Văn Thêm	Phần Sơn - Đông Sơn	0,5	96	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,5	50	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
21	Nguyễn Văn Vinh	Phần Sơn - Đông Sơn	0,6	150	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			1,1	127	1	Đông Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	

TT	Tên chủ quản lý	Địa chỉ thường trú	Diện tích, vị trí khu rừng				Loại rừng		Ghi chú
			Diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Xã	Trước chuyển loại	Sau chuyển loại	
22	Nguyễn Văn Vương	Phấn Sơn - Đồng Sơn	1,4	122	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
23	Nguyễn Văn Hạnh	Phấn Sơn - Đồng Sơn	0,9	162	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
24	Phạm Văn Hoà	Phấn Sơn - Đồng Sơn	3,0	105	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			1,2	70	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
25	Phạm Thị Toàn	Phấn Sơn - Đồng Sơn	1,2	199	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			1,0	129	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,7	171	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,6	175	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,8	201	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
			0,6	152	1	Đồng Sơn	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	